TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST Ngày 09 - 12 - 2022 V/v: Ly hôn giữa chị M và anh T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải Anh

Bà Phạm Thị Xuyến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nguyệt, kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị M, sinh năm 2000; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố , thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi ở: Xóm , thôn T, xã A, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ , thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 20/11/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do anh T không chăm lo đến kinh tế gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được, đề nghị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2020, hiện nay đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị đề

nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã T thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 6, khoản 1 điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị Phan Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2020. Anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M mỗi tháng 2.000.000đ;

3. Về án phí ly hôn: Chị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M và anh T.

[2]Về hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn, đăng ký tại Uỷ ban nhân dân thị trấn G, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 11/2019 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa chị M và anh T bất đồng trong quản lý kinh tế gia đình. Chị M cho rằng anh T không chăm lo đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị M và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị M và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]Về con chung chưa thành niên: Chị M và anh T có 01 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2020. Sau ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

cho chị M mỗi tháng 2.000.000đ. Xét thấy con chung còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên chấp nhận yêu cầu của chị M là phù hợp với quy định của Điều 81, 82 Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung chưa thành niên: Chị Phan Thị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2022. Anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 12/2022 cho đến khi cháu Nguyễn Quốc B đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí : Chị Phan Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0004789 ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND TT G;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã Ký)

Nguyễn Văn Thịnh